TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/DS-ST
Ngày: 24 – 4– 2025
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công

2. Bà Lê Thị Thiện

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 835/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc "V/v tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Âu Văn P, sinh năm 1964; thường trú tại: F khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hữu N, sinh năm 1996; trú tại: 2, tổ B, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Giấy ủy quyền ngày 15/10/2024), có mặt.

Bị đơn:

+ Bà Âu Thị T, sinh năm 1956; thường trú tại: F khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1958; thường trú tại: 243 ấp A, xã A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Âu Thị L, sinh năm 1963 thường trú tại: A khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bà Âu Thị P1, sinh năm 1965; thường trú tại: A khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết mặt.

+ Ông Âu Văn H, sinh năm: 1972; thường trú tại: 341 ấp A, xã A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Ông Âu Văn P2, Sinh năm 1959; thường trú tại: 243 ấp A, xã A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Phòng công chứng số 01 tỉnh B; địa chỉ: D Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Văn phòng C; địa chỉ: Đường Đ khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Lê Hữu N trình bày:

Về hàng thừa kế: Cha của ông Âu Văn P là cụ Âu Văn P3 đã chết 19/11/2015 theo giấy khai tử số 55/2015 quyển số 01/2015 do UBND xã A cấp ngày 20/11/2015 và mẹ là cụ Trịnh Thị N2, sinh năm 1934 chết ngày 10/05/2001 theo giấy khai tử số 20/2001 quyển số I của UBND xã A cấp ngày 21/01/2001. Trong quá trình chung sống cha mẹ ông P có 04 người con chung gồm: Bà Âu Thị L, sinh năm 1977, ông Âu Văn P, sinh năm 1964, bà Âu Thị P1, sinh năm 1965 và ông Âu Văn H, sinh năm 1972. Ngoài ra, trước khi kết hôn với nhau thì mẹ ông P là cụ Trịnh Thị N2 có 02 người con riêng là bà Âu Thị T, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1958 và cha ông P là cụ Âu Văn P3 có 01 người con riêng là ông Âu Văn P2, sinh năm 1959.

Cha mẹ cụ Trịnh Thị N2 tên ông Trịnh Văn S (đã chết không rõ năm nào) và bà Tô Thị L1 (đã chết không rõ năm nào) chết trước cụ Trịnh Thị N2.

Cha mẹ cụ Âu Văn P3 là cụ Âu Văn L2, sinh năm 1901 đã chết trước cụ P3 không rõ năm chết và bà Tô Thị L1 đã chết.

Về di sản thừa kế: Trong quá trình chung sống, cha mẹ ông P được ông bà ngoại ông P là cụ Trịnh Văn S và cụ Tô Thị L1 tặng cho phần đất có diện tích 1.641m^2, tọa lạc tại: Ấp A, xã A, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H675803 QSDĐ/AS do UBND huyện (nay là thành phố) Thuận An cấp ngày 12/04/1997 do hộ cụ Trịnh Thị N2 đứng tên. Sau khi cụ Trịnh Thị N2 chết thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ N2 gồm: Bà Âu Thị L, ông Âu Văn P, bà Âu Thị P1, ông Âu Văn H, bà Âu Thị T và bà Nguyễn Thị N1 lập Văn bản phân chia tài sản thừa kế có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A

chứng thực vào ngày 17/4/2008 đồng ý giao toàn bộ di sản của cụ Trịnh Thị N2 nêu trên cho cụ Âu Văn P3 được toàn quyền sử dụng theo.

Sau đó thửa đất này bị giải tỏa trắng để thực hiện công trình Cảng A do Công ty T2 làm chủ đầu tư. Theo đó cụ P3 được cấp tái định cư theo Giấy xác nhận số 42/GXNCAS.TL ngày 26/12/2008; phiếu xác nhận bốc thăm kết quả; quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 21/5/2008 của Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T về việc thu hồi đất hiện do hộ cụ Trịnh Thị N2, để xây dựng khu kho cảng, khu dân cư và tái định tại xã A; quyết định số 5772/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T về việc giao đất ở và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tái định cư A. Như vậy nguồn gốc các thửa đất số 908, 909 và 910 tờ bản đồ 8, tại khu tái định cư A, xã A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (gọi tắt thửa 908, 909, 910) trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CO 939305; CO 939306 và CO 939307 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cùng cấp ngày 10/10/2018 cho ông Âu Văn H.

Ngày 04/02/2009 cụ P3 lập di chúc tại Phòng C tỉnh Bình Dương để lại toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Âu Văn H. Do không biết được bản di chúc ngày 04/02/2009 của cụ P3 và những người con riêng của cụ P3 và cụ N2 không có ý kiến đối với di sản cụ P3 để lại nên ngày 06/11/2019, các anh em ông P gồm Âu Văn L3, Âu Văn P, Âu Thị P1 và Âu Văn H thống nhất lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản đối với quyền sử dụng đất là thửa đất thửa số 908, 909, 910. Theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản của Văn phòng C vào ngày 06/11/2019 thì ông Âu Văn P được hưởng phần đất thuộc thửa đất số 910; bà Âu Thị P1 được hưởng phần đất thuộc thửa số 908 và ông Âu Văn H được hưởng phần đất thuộc 909 và theo các mảnh trích lục địa chính do chi nhánh văn phòng Đ (nay là thành phố) T cấp ngày 12/7/2019.

Nay ông P xác định nguồn gốc thửa 908, 909, 910 do được bồi thường tái định cư của thửa đất của cụ P3 và cụ N2 được cha mẹ cụ N2 tặng cho, vì vậy ông P yêu cầu được chia di sản thừa kế của cụ P3 cho các con chung và con riêng của các cụ mục đích anh em trong gia đình yêu thương và đoàn kết nhau. Cụ thể chia thừa kế làm 07 kỷ phần bằng nhau cho bà Âu Thị L, ông Âu Văn P, bà Âu Thị P1, ông Âu Văn H, bà Âu Thị T, bà Nguyễn Thị N1 và ông Âu Văn P2

Tại đơn khởi kiện ông P yêu cầu:

- Yêu cầu tuyên vô hiệu Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày lập 16/4/2008, chứng thực tại Ủy ban xã A, thành phố T, tỉnh Bình Dương ngày 17/4/2008.

- Yêu cầu tuyên vô hiệu Di chúc được lập ngày 04/02/2009 tại Phòng C tỉnh Bình Dương.

- Yêu cầu tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được lập ngày 06/11/2019 tại Văn phòng C.

- Yêu cầu thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc các thửa đất như sau:

+ Thửa đất số 910, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu tái định cư A, ấp A, xã A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CO 939307, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH03663 do Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 10/10/2018 cho ông Âu Văn H đại diện.

+ Thửa đất số 909, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu tái định cư A, ấp A, xã A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CO 939306, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH03662 do Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) cho ông Âu Văn H đại diện.

+ Thửa đất số 908, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu tái định cư A, ấp A, xã A, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CO 939305 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 03664 do Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 10/10/2018 cho ông Âu Văn H đại diện.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử đất là thửa đất số 908, 909, 910 cho những người thuộc hàng thừa kế của cụ P3 và cụ N2 gồm có 07 người cụ thể: Bà Âu Thị L, ông Âu Văn P, bà bà Âu Thị P1, ông Âu Văn H, bà Âu Thị T, bà Nguyễn Thị N1 và ông Âu Văn P2 mỗi người được hưởng một kỷ phần bằng nhau.

- Ông P yêu cầu được nhận hiện vật là phần đất có diện tích 42,85m^2, thuộc thửa đất số 910.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn rút đối với yêu cầu tuyên vô hiệu Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày lập 16/4/2008, chứng thực tại Ủy ban xã A, thành phố T, tỉnh Bình Dương ngày 17/4/2008.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu như sau:

- Do ông Âu Văn H từ chối nhận di sản theo di chúc lập ngày 04/02/2009 tại Phòng công chứng số A tỉnh Bình Dương. Do ông Âu Văn P2 tặng cho kỷ phần của ông P2 cho ông Âu Văn P, bà Âu Thị P1, ông Âu Văn H và bà Âu Thị L. Bà Âu Thị Thu T1 cho kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị N1, ông Âu Văn P, bà Âu Thị P1, ông Âu Văn H và bà Âu Thị L. Bà Âu Thị P1, bà Âu Thị L và ông Âu Văn H từ chối nhận di sản thừa kế và đồng ý tặng cho kỷ phần của mình cho ông Âu Văn P. Đề nghị Tòa án ghi nhận theo nguyện vọng của các đương sự.

- Ông Âu Văn P yêu cầu được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất thửa 908, 909 và 910 ông P đồng ý bồi hoàn giá trị nếu có chênh lệch cho bà N1.

- Yêu cầu tuyên vô hiệu Di chúc được lập ngày 04/02/2009 tại Phòng C tỉnh Bình Dương.

- Yêu cầu tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được lập ngày 06/11/2019 tại Văn phòng C, địa chỉ: Đường Đ khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản sao); giấy xác nhận 214 ngày 28/11/2013 (bản pho to); phiếu xác nhận kết quả bốc thăm (bản pho to); quyết đinh thu hồi đất (bản pho to); biên bản cắm mốc (bản pho to); quyết định giao đất (bản pho to); văn bản phân chia di sản thừa kế (bản pho to); di chúc (bản pho to); Văn bản phân chia di sản thừa kế (bản sao); tờ tường trình quan hệ nhân thân (bản chính); trích lục khai tử và giấy khai sinh (bản chính)…

Trong quá trình tố tụng bị đơn - bà Âu Thị T trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế, di sản thừa kế của cụ P3 và cụ N2 để lại và yêu cầu của ông Âu Văn P. Tuy nhiên bà Âu Thị T từ chối nhận di sản thừa kế và đồng ý tặng cho kỷ phần thừa kế của mình cho bà Nguyễn Thị N1, ông Âu Văn P, bà Âu Thị P1, ông Âu Văn H và bà Âu Thị L.

Do bận công việc nên đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng hòa giải, đối chất, xét xử tại cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm (nếu có).

Bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Trong quá trình tố tụng bà Âu Thị N3 trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế, di sản thừa kế của cụ P3 và cụ N2 để lại và yêu cầu của ông Âu Văn P. Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, bà N3 yêu cầu nhận chung hiện vật là 01 trong 03 thửa đất với bà T. Do bận công việc nên đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng hòa giải, đối chất, xét xử tại cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm (nếu có).

Bà N4 không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Âu Thị L, bà Âu Thị P1 thống nhất trình bày:

Bà Âu Thị L, bà Âu Thị P1 thống nhất theo lời trình bày của ông Âu Văn P về hàng thừa kế và di sản thừa kế. Bà L và bà P1 từ chối nhận di sản thừa kế, đồng ý tặng cho lại kỷ phần thừa kế của mình cho ông Âu Văn P và đồng ý tặng cho phần kỷ phần được ông P2, bà T tặng cho để cho ông Âu Văn P.

Do bận công việc nên đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng hòa giải, đối chất, xét xử tại cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm (nếu có).

Bà L và bà P1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Âu Văn H trình bày:

Ông Âu Văn H thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông Âu Văn P. Ông Hiệp đồng Ý từ chối nhận di sản thừa kế theo di chúc lập ngày 04/02/2009 tại Phòng công chứng số A tỉnh Bình Dương. Ông H, bà L và bà P1 từ chối nhận

di sản thừa kế, đồng ý tặng cho lại kỷ phần thừa kế của mình cho ông Âu Văn P và đồng ý tặng cho phần kỷ phần được ông P2, bà T tặng cho để cho ông Âu Văn P.

Do bận công việc nên đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng hòa giải, đối chất, xét xử tại cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm (nếu có).

Ông H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Phòng công chứng số A tỉnh Bình Dương trình bày:

Người lập di chúc cụ Âu Văn P3 đã xuất trình các giấy tờ cần thiết liên quan đến việc công chứng gồm chứng minh nhân dân, hộ khẩu, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, giấy chứng tử (bản sao mang tên Trịnh Thị N2), giấy xác nhận đất tái định cư cư số 42/GXNCAS.TL ngày 26/12/2008 của công ty T2, hợp đồng chuyển nhượng tái định cư số 10/2008/HĐTĐC.AS ngày 26/12/2008 giữa cụ Âu Văn P3 và công ty T2, giấy khám sức khỏe. Tại thời điểm công chứng người lập di chúc có đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định pháp luật, đã nghe nhân chứng đọc toàn bộ nội dung di chúc, đã ký tên trước mặt di chúc.

Do bận công việc nên đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng hòa giải, đối chất, xét xử tại cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm (nếu có).

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Văn phòng C trình bày:

Ngày 06/11/2019 Văn phòng C có chứng nhận văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 12572, quyển số 11/TP/CC-SCC/HĐGD căn cứ vào lời khai của những người thừa kế, giấy khai sinh, tờ tường trình quan hệ nhận thân đã được chứng thực, thông báo về việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được niêm yết tại UBND xã A. Tại thời điểm công chứng thì Văn phòng C không tra cứu được cụ Âu Văn P3 có lập di chúc tại phòng C tỉnh Bình Dương hay không. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Do bận công việc nên đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng hòa giải, đối chất, xét xử tại cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm (nếu có).

Ý kiến của của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu yêu cầu khởi kiện của ông Âu Văn P, ghi nhận sự tự nguyện của ông Âu Văn P2, bà Âu Thị L, Âu Thị P1, Âu Thị T và ông Âu Văn H tặng cho kỷ phần thừa kế cho ông Âu Văn P. Giao 01

kỷ phần thừa kế bằng giá trị cho bà Âu Thị N3, ông P được nhận di sản bằng hiện vật và có trách nhiệm thanh toán 01 kỷ phần cho bà Nguyễn Thị N1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp thừa kế, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; bị đơn cư trú tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 26; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về di sản thừa kế các đương sự tranh chấp và theo kết quả Hội đồng định giá như sau:

Tổng giá trị tài sản tranh chấp thửa 908, 909 và 910 là 6.600.000.000 đồng.

[2.2] Về hàng thừa kế các đương sự thống nhất như sau: Cụ Âu Văn P3 chết 19/11/2015 và cụ Trịnh Thị N2 chết ngày 10/05/2001. Trong quá trình chung sống cha mẹ ông P có 04 người con chung gồm: Bà Âu Thị L, ông Âu Văn P, bà Âu Thị P1 và ông Âu Văn H. Ngoài ra, trước khi kết hôn với nhau thì mẹ ông P là cụ Trịnh Thị N2 có 02 người con riêng là bà Âu Thị T và bà Nguyễn Thị N1 và cha ông P là cụ Âu Văn P3 có 01 người con riêng là ông Âu Văn P2, sinh năm 1959. Cha mẹ của cụ Âu Văn P3 và cụ Trịnh Thị N2 chết trước cụ P3 và cụ N2.

[2.3] Về di sản thừa kế: Xét thấy căn cứ vào các tài liệu chứng cứ tòa án thu thập nguồn gốc thửa 908, 909 và 910 được nhận bồi thường tái định cư đối với thửa đất 84, tờ bản đồ C1, tọa lạc tại ấp A, xã A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vào ngày 16/4/2008 thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trịnh Thị N2 đã lập Văn bản phân chia tài sản thừa kế được UBND xã A chứng thực đồng ý giao di sản của cụ Trịnh Thị N2 cho cụ P3. Như vậy có đủ căn cứ xác định đây là di sản của cụ P3 chứ không còn là di sản của cụ N2. Tuy nhiên ông Âu Văn P2, bà Nguyễn Thị N1, bà Âu Thị T, bà Âu Thị L; ông Âu Văn P; bà Âu Thị P1; ông Âu Văn H đều thống nhất xác định di sản thửa 908, 909 và 910 là của cụ P3 và cụ N2 nên đây là ý chí tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Xét đối với yêu cầu khởi kiện yêu cầu tuyên bố di chúc ngày 04/02/2009 là vô hiệu.

Xét về về hình thức: Di chúc bằng văn bản, có công chứng, có người làm chứng. Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết; người lập di chúc lập bản di chúc trong trường hợp

minh mẫn tỉnh táo, không bị lừa dối, cưỡng ép phù hợp với Điều 646, 647, 648 Bộ luật dân sự năm 2005. Đây là di chúc bằng văn bản có công chứng quy định tại khoản 3 Điều 650 Bộ luật dân sự 2005.

Xét về nội dung của di chúc: Cụ Âu Văn P3 lập di chúc ngày 04/02/2009 Văn bản ghi rõ ngày tháng năm lập di chúc, họ tên của người lập di chúc, người được hưởng di sản; di sản để lại và nơi có di sản phù hợp với Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2005. Như vậy, về mặt nội dung và hình thức của bản di chúc không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 652 Bộ luật dân sự 2005. Do đó di chúc là hợp pháp, ông Âu Văn P yêu cầu tuyên bố di chúc là vô hiệu. Tuy nhiên ông Âu Văn H là người được nhận di sản theo di chúc lại từ chối nhận di sản 03 thửa đất 908, 909 và 910, xét thấy ông H từ chối nhận di sản phù hợp là tự nguyện và phù hợp Điều 620 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Xét đối với yêu cầu tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 06/11/2019 là vô hiệu, xét thấy như phân tích như trên thì thửa đất 908, 909 và 910 là tài sản riêng của cụ P3, các đương sự thống nhất cụ P3 có 05 người con là Âu Văn P2, Âu Văn P, Âu Văn H, Âu Thị L và Âu Thị P1. Tuy nhiên Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 06/11/2019 thiếu 01 hàng thừa kế của cụ P3 là ông Âu Văn P2 nên Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 06/11/2019 là vô hiệu theo Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 56, Điều 57 Luật công chứng năm 2014.

[2.6] Về cách chia: Từ những phân tích nêu trên có đủ căn cứ chia di sản của cụ P3 theo pháp luật. Xét thấy ông Âu Văn P2 là con riêng của cụ P3; bà Âu Thị N3 và bà Âu Thị T là con riêng của cụ N2; bà Âu Thị L; ông Âu Văn P; bà Âu Thị P1; ông Âu Văn H là con chung của cụ P3 và cụ N2 nhưng tất cả 07 hàng thừa kế đều thống nhất chia di sản thành 07 kỷ phần. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy mỗi kỷ phần có giá trị 6.600.000.000 đồng : 7 = 942.857.142 đồng.

Tuy nhiên ông Âu Văn P2 tự nguyện tặng cho kỷ phần của ông P2 cho ông Âu Văn P, bà Âu Thị P1, ông Âu Văn H và bà Âu Thị L. Bà Âu Thị T tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị N1, ông Âu Văn P, bà Âu Thị P1, ông Âu Văn H và bà Âu Thị L. Bà Âu Thị P1, bà Âu Thị L và ông Âu Văn H từ chối nhận di sản thừa kế và đồng ý tặng cho kỷ phần của mình cho ông Âu Văn P. Xét thấy bà Âu Thị T, ông Âu Văn P2, ông Âu Văn H, bà Âu Thị L, bà Âu Thị P1 tự nguyện tặng cho kỷ phần của mình cho ông Âu Văn P nên hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

Đối với yêu cầu nhận hiện vật của bị đơn bà Nguyễn Thị N1: Tổng diện tích đất và N1 được nhận từ di sản thừa kế là 51,42m^2. Xét thấy, các thửa đất số 908, 909, 910, tờ bản đồ số 8, mỗi thửa đất 100m² tọa lạc tại 341 ấp A, xã A, thành phố T, tỉnh Bình Dương do ông Âu Văn H đại diện đứng ra quản lý và đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành số CO 939305; CO 939306; CO 939307

do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cùng cấp ngày 10/10/2018. Theo quy định tại Quyết định số: 38/2024/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND tỉnh B quy định về điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với tường loại đất trên địa bản tỉnh Bình Dương thì diện tích tách thửa đối với đất ở tại các xã là từ 100m^2 trở lên. Do đó, diện tích của bà N1 được hưởng không đủ diện tích để tách thửa nên không có cơ sở chấp nhận chia hiện vật theo yêu cầu của bà. Như vậy bà N1 được nhận kỷ phần tương đương 942.857.142 đồng + 942.857.142 đồng: 5 = 1.131.428.570 đồng.

Do ông Âu Văn P được nhận hiện vật nên phải có nghĩa vụ thanh toán 1.131.428.570 đồng cho bà Nguyễn Thị N1.

[2.7] Xét thấy tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chi nhánh V đăng ký đất đai cung cấp có 01 văn bản thỏa thuận cử người đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do văn phòng C, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 10/7/2016, số công chứng 7053, quyển số 07TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/7/2016. Theo nội dung văn bản này thì thiếu 01 hàng thừa kế của cụ P3 là ông Âu Văn P2. Mặc dù văn bản thiếu hàng thừa kế thứ nhất của cụ P3 là ông P2 và ông P2 từ chối nhận di sản thừa kế tặng cho ông P, ông H, bà L và bà P1. Nên cần tuyên bố văn bản này vô hiệu mới giải quyết triệt để vụ án và đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Do phải chia thừa kế đối với các thửa đất 908, 909 và 910 nên phải kiến nghị thu hồi các chỉnh lý biến động cấp cho ông Âu Văn H là đại diện của những người được thừa kế gồm bà Âu Thị L, ông Âu Văn P, bà Âu Thị P1 và ông Âu Văn H đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CO 939307, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH03663; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CO 939306, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH03662 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CO 939305, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03664 được UBND thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 10/10/2018.

[4] Xét công sức đóng góp: Xét thấy không ai có công sức đóng góp, giữ gìn, tôn tạo di sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Ông Âu Văn P tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng (đã thực hiện xong).

[7] Về án phí: Ông P, bà N1 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 27, Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 229; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 634, Điều 650, Điều 667; Điều 676 của Bộ luật dân sự 2005

- Các Điều 117, Điều 609, 612, 613, 620 khoản 1 Điều 623, Điều 630, Điều 649, Điều 656, Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ Điều 56, Điều 57 Luật Công chứng2014.

- Căn cứ Điều 12 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Âu Văn P đối với bị đơn – bà Âu Thị T và bà Nguyễn Thị N1 về việc Tranh chấp thừa kế, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Âu Văn H từ chối nhận di sản theo di chúc lập ngày 04/02/2009.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Âu Văn P2 tặng cho kỷ phần thừa kế cho ông Âu Văn P, bà Âu Thị P1, ông Âu Văn H và bà Âu Thị L.

4. Ghi nhận sự tự nguyện bà Âu Thị Thu T1 cho kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị N1, ông Âu Văn P, bà Âu Thị P1, ông Âu Văn H và bà Âu Thị L.

5. Ghi nhận sự tự nguyện bà Âu Thị P1, bà Âu Thị L và ông Âu Văn H từ chối nhận di sản thừa kế, đồng ý tặng cho kỷ phần và kỷ phần thừa kế được tặng cho ông Âu Văn P.

6. Tuyên bố vô hiệu Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 06/11/2019 tại Văn phòng C, tỉnh Bình Dương số công chứng 12572, quyển số 11TP/CC-SCC/HĐGD.

7. Tuyên bố vô hiệu văn bản thỏa thuận cử người đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do văn phòng C, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 10/7/2016, số công chứng 7053, quyển số 07TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/7/2016.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CO 939307, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH03663; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CO 939306, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH03662 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CO 939305, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03664 được UBND thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 10/10/2018 để điều chỉnh phù hợp theo nội dung trên.

7. Ông Âu Văn P được nhận các tài sản sau:

7.1 Quyền sử dụng đất thuộc thửa 908, tờ bản đồ 8, tại khu tái định cư A, xã A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Kèm theo sơ đồ bản vẽ).

7.2 Quyền sử dụng đất thuộc thửa 909, tờ bản đồ 8, tại khu tái định cư A, xã A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Kèm theo sơ đồ bản vẽ).

7.3 Quyền sử dụng đất thuộc thửa 910, tờ bản đồ 8, tại khu tái định cư A, xã A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Kèm theo sơ đồ bản vẽ).

8. Buộc ông Âu Văn P phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị N1 số tiền 1.131.428.570 đồng (Một tỷ, một trăm ba mươi mốt triệu, bốn trăm hai mươi tám ngàn, năm trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông Âu Văn P có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được phân chia theo quyết định của bản án.

9. Về chi phí tố tụng: Ông Âu Văn P tự nguyện chịu toàn bộ số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản và định giá tài sản (đã thực hiện xong).

10. Về án phí: Ông Âu Văn P và bà Nguyễn Thị N1 được miễn toàn bộ án phí.

11. Về quyền kháng cáo: Ông Âu Văn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Âu Văn P2, bà Âu Thị T, bà Âu Thị L, bà Nguyễn Thị N1, bà Âu Thị P1, ông Âu Văn H, Phòng C tỉnh Bình Dương, Văn phòng C, tỉnh Bình Dương được quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc